

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2018/KDTM-PT

Ngày 23-7-2018

“V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Bà Lê Thị Hồng Hạnh -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2018/TLPT-KDTM ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã K bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV hóa chất quốc tế A

Địa chỉ trụ sở: Số 560 đường T, khu phố 7, phường T, Quận 12, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Công T - Giám đốc.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983 - Chủ đại lý H.

Nơi ĐKKH: Ấp 1, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Nơi đang ở hiện nay: Ấp Gò Dưa, xã Bình Hiệp, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

3. Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

(Ông T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông H và bà D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2017 và những lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông L và bà H có trong hồ sơ và tại phiên tòa như sau:

Công ty TNHH MTV hóa chất quốc tế A (sau đây viết tắt là Công ty) và Đại lý H (ông Nguyễn Thanh H là chủ đại lý) có mua bán vật tư nông nghiệp, sau khi giao hàng nhiều lần tổng số tiền là 973.300.000 đồng, ông H và bà D đã trả cho Công ty số tiền là 280.000.000 đồng. Đến ngày 11 tháng 5 năm 2015 hai bên đối chiếu công nợ thì ông H và bà D còn nợ Công ty số tiền 693.300.000 đồng do bà D là vợ ông H ký tên bên mua (Đại lý H) và hạn thời gian thanh toán là 03 tháng nhưng đến nay ông H, bà D chưa thanh toán số tiền trên cho Công ty.

Công ty khởi kiện yêu cầu ông H, bà D liên đới trả cho Công ty số tiền 693.300.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 11 tháng 5 năm 2015 đến tháng 11 năm 2017 là 207.990.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 901.290.000 đồng.

Tại phiên tòa bà H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi về mức lãi suất là yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật.

Bị đơn là ông H và bà D vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2018/ ST-KDTM ngày 18 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân thị xã K căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 184, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Phạm Thị D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH MTV hóa chất quốc tế A số tiền là 849.292.500 đồng (tám trăm bốn mươi chín triệu hai trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, quyền thỏa thuận thi hành án.

Ngày 17/5/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị cải sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt và không rút đơn khởi kiện, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng nghị. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ

đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Đoạn [3] về nội dung bản án nhận định lãi suất theo quy định 0,75%/tháng là phù hợp quy định pháp luật nhưng lại ghi: “tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền là 11/5/2015 đến tháng 11/2017 là 30 tháng x 393.300.000đ x 1%/tháng = 155.992.500đ” là mâu thuẫn với phần nhận định.

Bản án sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 để tính án phí trong tranh chấp kinh doanh thương mại là chưa chính xác. Cần phải áp dụng khoản 2 Điều 26 và khoản II mục 1.4 Phụ lục danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 mới chính xác.

Cấp sơ thẩm buộc ông H và bà D có nghĩa vụ nộp 39.039.000đ là sai. Lẽ ra ông H bà D chỉ phải nộp án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch là 37.478.775đ.

Tòa án nhân dân thị xã K đã nhận được Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát ngày 21/5/2018, thời điểm Viện kiểm sát kháng nghị chưa nhận được quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã K. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bản án theo hướng cải sửa bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Viện kiểm sát tỉnh Long An kháng nghị việc cấp sơ thẩm nhận định lãi suất 0,75%/tháng nhưng lại tính trên mức lãi suất 1%/tháng là mâu thuẫn với phần nhận định. Thấy rằng bản án sơ thẩm ghi tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền là 11/5/2015 đến tháng 11/2017 là 30 tháng x 393.300.000đ x 1%/tháng” nhưng số tiền 155.992.500đ lại là kết quả của mức lãi suất 0,75%/tháng. Cụ thể: 30 tháng x 393.300.000đ x 0,75%/tháng = 155.992.500đ nên đây là sai sót về số liệu. Tòa án cấp sơ thẩm đã đính chính đối với nội dung này. Kiểm sát viên cho rằng thời điểm Viện kiểm sát kháng nghị vẫn chưa nhận được quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án nên việc sửa chữa này là sau ngày ban hành quyết định kháng nghị nên Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án là không đúng. Tuy nhiên Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự chỉ quy định khi phát hiện nhầm lẫn về số liệu thì Tòa án có thể sửa chữa, bổ sung Bản án mà không quy định thời hạn của việc đính chính. Do đó, việc Tòa án đính chính về phần này là phù hợp quy định pháp luật nên không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này.

[2] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu áp dụng lãi suất 1%/tháng, sau đó thay đổi yêu cầu về lãi suất và đề nghị Tòa án tính lãi theo quy định pháp luật. Xét thấy, đây là tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hóa nên lãi suất cần được áp dụng quy định tại Điều 306 Luật Thương mại là theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng theo đơn khởi kiện là

phù hợp nhưng sau đó thay đổi yêu cầu. Lẽ ra, khi áp dụng mức lãi suất 0,75%/tháng thì cấp sơ thẩm phải xác định rõ yêu cầu của nguyên đơn về mức lãi suất cụ thể là 0,75%/tháng. Trường hợp nguyên đơn vẫn yêu cầu tính theo quy định pháp luật thì phải áp dụng lãi suất 1%/tháng theo yêu cầu khởi kiện ban đầu và quy định tại Điều 306 Luật Thương mại để giải quyết. Trường hợp này, cấp sơ thẩm chưa xác định rõ lãi suất cụ thể của nguyên đơn yêu cầu nhưng lại áp dụng mức lãi suất 0,75%/tháng là chưa phù hợp. Tuy nhiên, đương sự không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị đối với nội dung này nên cấp phúc thẩm không xem xét điều chỉnh, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Bản án sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và buộc ông H bà D phải chịu 39.039.000đ án phí là không đúng. Viện kiểm sát kháng nghị đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 26 và khoản II mục 1.4 Phụ lục danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 để tính án phí, ông H và bà D phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch trên số tiền 849.292.500đ là $(36 \text{ triệu đồng} + (849.292.500\text{đ} - 800.000.000\text{đ}) \times 3\%) = 37.487.775\text{đ}$ là đúng theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2018/QĐ-SCBSBA ngày 14/5/2018. Tuy nhiên, trong trường hợp này cấp sơ thẩm đã tính án phí và áp dụng điều luật sai là không phải lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai nên Tòa án cấp sơ thẩm sửa chữa, bổ sung đối với nội dung này là không đúng theo Điều 368 Bộ luật tố tụng dân sự nên cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này.

[4] Bản án sơ thẩm tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án là chưa rõ ràng, không thể hiện rõ trường hợp ông H bà D chậm thi hành án phải trả lãi theo quy định pháp luật là mức lãi bao nhiêu, việc này gây khó khăn khi thi hành án. Do vậy, cần sửa bản án sơ thẩm về phần này, tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Ngoài ra, cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 50, Điều 55 Luật thương mại quy định về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa để xử cũng là thiếu sót.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[7] Các phần khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Sửa bản án sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 18 tháng 4 năm 2018 (kèm theo Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 01/2018/QĐ-SCBSBA ngày 14 tháng 5 năm 2018) của Tòa án nhân dân thị xã K.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 184, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại;

Căn cứ vào các Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Phạm Thị D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH MTV hóa chất quốc tế A số tiền là 849.292.500 đồng (Tám trăm bốn mươi chín triệu hai trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại:

Buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Phạm Thị D phải có nghĩa vụ liên đới chịu 37.478.775 đồng (ba mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH MTV hóa chất quốc tế A đã nộp là 19.519.000 đồng (mười chín triệu năm trăm mười chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006620 ngày 05/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Long An.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND tx. Kiến Tường;
- CCTHADS tx. Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Tấn Quốc

